

CÔNG TY CỔ PHẦN BIZMAN OOH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN BIZMAN OOH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BIZMAN OOH JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: BIZMAN OOH.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108807208

3. Ngày thành lập: 02/07/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tổ 9, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02439382071

Fax: 02439382070

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: - Hoạt động xây dựng chuyên biệt sử dụng trong tất cả các kết cấu công trình nhưng yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị chuyên môn hóa như: + Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc, + Các công việc về chống ẩm và chống thấm nước, + Chống ẩm các toà nhà, + Đào giếng (trong ngành khai thác mỏ), + Lắp dựng các kết cấu thép không thể sản xuất nguyên khối, + Uôn thép, + Xây gạch và đặt đá, + Lợp mái các công trình nhà để ở, + Lắp dựng và dỡ bỏ cốp pha, giàn giáo, loại trừ hoạt động thuê cốp pha, giàn giáo, + Lắp dựng ống khói và lò sấy công nghiệp, + Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng trèo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao. - Các công việc dưới bề mặt; - Xây dựng bể bơi ngoài trời; - Rửa bằng hơi nước, phun cát và các hoạt động tương tự cho mặt ngoài công trình nhà; - Thuê cần trục có người điều khiển	4390

2.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Khảo sát địa hình; khảo sát địa chất công trình; - Lập quy hoạch xây dựng; - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình, bao gồm: Thiết kế kiến trúc công trình; thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp; thiết kế cơ - điện công trình; thiết kế cấp - thoát nước công trình; thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật; - Quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Thi công xây dựng công trình; - Giám sát thi công xây dựng công trình; - Kiểm định xây dựng; - Tư vấn quản lý dự án; - Thiết kế xây dựng công trình	7110
3.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	4659
4.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; - Bán buôn xi măng; - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; - Bán buôn kính xây dựng; - Bán buôn sơn, véc ni; - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; - Bán buôn đồ ngũ kim	4663
5.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
6.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (không bao gồm bán buôn vàng và kim loại quý khác)	4662
7.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm hoạt động đầu giá)	4511
8.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512

9.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm hoạt động đầu giá)	4513
10.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
11.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm hoạt động đầu giá)	4530
12.	Bán mô tô, xe máy (không bao gồm hoạt động đầu giá)	4541
13.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
14.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (không bao gồm hoạt động đầu giá)	4543
15.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
16.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
17.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
18.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
19.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
20.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
21.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
22.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
23.	Trồng cây ăn quả	0121
24.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
25.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
26.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
27.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
28.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
29.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
30.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương Chi tiết: Vận tải hành khách ven biển	5011
31.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương Chi tiết: Vận tải hàng hóa ven biển	5012
32.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (không bao gồm các hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến đường hàng không) Chi tiết: - Môi giới thuê tàu biển, phương tiện vận tải bộ; - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay	5229
33.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510

34.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; - Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; - Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	4669
35.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
36.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
37.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
38.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình Chi tiết: Dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền	5911
39.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
40.	Sản xuất máy chuyên dụng khác Chi tiết: Sản xuất máy sản xuất vật liệu xây dựng	2829
41.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
42.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
43.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
44.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
45.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
46.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
47.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
48.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
49.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
50.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
51.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
52.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
53.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
54.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
55.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
56.	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	2910
57.	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rô moóc và bán rô moóc	2920
58.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930

59.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
60.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
61.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
62.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
63.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (không bao gồm hoạt động đấu giá, môi giới chứng khoán, bảo hiểm)	4610
64.	Bán buôn thực phẩm	4632
65.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
66.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; - Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế; - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; - Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649
67.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
68.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
69.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hoá	4933
70.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
71.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất khẩu nhập khẩu hàng hoá; - Ủy thác xuất nhập khẩu hàng hoá	8299
72.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: - Tư vấn giáo dục; - Kinh doanh Dịch vụ tư vấn du học	8560
73.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
74.	Quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá)	7310(Chính)
75.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320

76.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410
77.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (không bao gồm hoạt động cho thuê lại lao động) Chi tiết: Hoạt động dịch vụ việc làm	7810
78.	Đại lý du lịch	7911
79.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: - Kinh doanh lữ hành nội địa; - Kinh doanh lữ hành quốc tế	7912
80.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
81.	Hoạt động nhiếp ảnh	7420
82.	In ấn	1811
83.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
84.	Hoạt động truyền hình	6021
85.	Hoạt động chiếu phim	5914
86.	Hoạt động hậu kỳ	5912
87.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	9000
88.	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	5913
89.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
90.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ môi giới bất động sản; - Dịch vụ tư vấn bất động sản; - Dịch vụ quản lý bất động sản; - Sàn giao dịch bất động sản	6820
91.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
92.	Xây dựng nhà để ở	4101
93.	Xây dựng nhà không để ở	4102
94.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
95.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
96.	Xây dựng công trình điện	4221
97.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
98.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223

99.	Xây dựng công trình công ích khác Chi tiết: - Xây dựng công trình xử lý bùn. - Xây dựng các công trình công ích khác chưa được phân vào đâu.	4229
100.	Xây dựng công trình thủy	4291
101.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
102.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
103.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (không bao gồm Chia tách đất với cải tạo đất)	4299
104.	Phá dỡ	4311
105.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
106.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
107.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
108.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này. - Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như: + Thang máy, thang cuốn, + Cửa cuốn, cửa tự động, + Dây dẫn chống sét, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung	4329
109.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330

6. Vốn điều lệ: 60.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 6.000.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	CÔNG TY CỔ PHẦN BIZMAN MEDIA	Lô A09, Biệt thự BT8, Khu đô thị Việt Hưng, Đường Đoàn Khuê, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	0108751869	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	3.960.000	39.600.000.000	66,000		
			Cổ phần phổ thông	3.960.000	39.600.000.000	66,000		
2	VŨ THỊ HIỀN	Căn hộ 7, nhà 1, ngách 29/16 phố Khương Hạ, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	180.000	1.800.000.000	3,000	013537632	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	180.000	1.800.000.000	3,000		

3	BÙI THỊ LIỄU	P706 N7 CC Đồng Tàu, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	60.000	600.000.000	1,000	0341830000 55
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	60.000	600.000.000	1,000	
4	VŨ ĐỨC VƯƠNG	Lô A09 – Biệt thự BT8, Khu đô thị Việt Hưng, Đường Đoàn Khuê, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.200.0 00	12.000.000.000	20,000	0340740071 04
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	1.200.0 00	12.000.000.000	20,000	
5	VŨ NHẬT LÂM	P0607-T1 CC Việt Kiều Châu Âu, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	600.000	6.000.000.000	10,000	0190740002 80
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	600.000	6.000.000.000	10,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **VŨ THỊ HIỀN**

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *26/03/1983*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *013537632*

Ngày cấp: *16/05/2012* Nơi cấp: *Công an Thành phố Hà Nội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Căn hộ 7, nhà 1, ngách 29/16 phố Khương Hạ, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Căn hộ 7, nhà 1, ngách 29/16 phố Khương Hạ, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*